

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2025/DS-PT
Ngày: 10/4/2025
*Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2024/TLPT-DS ngày 24/02/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 855/2025/QĐXXPT-DS ngày 04/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1104/2025/QĐ-PT ngày 26/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị P, sinh năm 1972

Địa chỉ: số 123/2 ấp GH B, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979

Địa chỉ: số 53/6 ấp TM, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1963

Địa chỉ: số 190/3 ấp T B, xã TH, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2024, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn

bà Bùi Thị P ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C trình bày:

Do bà Bùi Thị P và bà Trần Thị G có quen biết nhau từ trước, vào ngày 06/7/2020 bà Trần Thị G có hỏi mượn của bà Bùi Thị P số tiền 190.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 20%/năm, thời hạn thanh toán gốc lãi là 01 năm kể từ thời điểm mượn. Vào ngày 06/7/2020 bà P giao đủ số tiền 190.000.000 đồng cho bà G nhận, bà G nhận đủ tiền và có ký tên vào Biên nhận ngày 06/7/2020. Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán gốc lãi thì bà G không thực hiện như đúng thỏa thuận, bà G không thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho bà P. Nhiều lần bà P yêu cầu bà G thanh toán tiền nợ nhưng bà G không thực hiện, điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P. Việc bà G cho rằng khoản nợ 190.000.000 đồng bà P chuyển giao cho ông T thì bà P không thừa nhận, bà P không biết ông T là ai và khoản nợ của bà P yêu cầu bà G trả không có liên quan đến ông T.

Bà Bùi Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị G có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền là 190.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2024, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 10/12/2024 và trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thị G trình bày:

Bà và bà Bùi Thị P có mối quan hệ quen biết. Trước đây, bà không nhớ thời gian cụ thể thì bà có vay của bà P số tiền là 80.000.000 đồng để nuôi tôm, việc bà vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận 01 năm sau sẽ trả nhưng không làm giấy tờ vay mượn tiền. Sau khi vay tiền của bà P thì do làm ăn không thuận lợi nên bà không thanh toán tiền gốc và tiền lãi đến hạn cho bà P. Đến này 06/7/2020 bà P yêu cầu bà viết giấy Biên nhận thì bà đồng ý viết, bà thừa nhận Biên nhận ngày 06/7/2020 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là do tự tay bà viết và ký tên. Việc bà viết giấy Biên nhận này là do bà P yêu cầu bà viết, số tiền 190.000.0000 đồng trong Biên nhận ngày 06/7/2020 là gồm tiền gốc và tiền lãi đối với số tiền mà bà đã mượn 80.000.000 đồng của bà P trước đây. Tuy nhiên, số tiền 190.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/7/2020 thì bà đã chuyển giao qua cho ông T nhưng bà không biết ông T là ai và ở đâu, bà có ký tên nhận nợ với ông T nên nay bà P khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 190.000.0000 đồng thì bà không đồng ý. Bà không có cung cấp chứng cứ gì để chứng minh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị P đối với bị đơn bà Trần Thị G. Buộc bà Trần Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị P số tiền 190.000.0000 đồng (một trăm Cn mươi triệu đồng), bà Bùi Thị P không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/02/2025, bị đơn bà Trần Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Trần Thị G có yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị P là ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị G và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn bà Trần Thị G kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị P là ông Nguyễn Văn C; bị đơn bà Trần Thị G có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà G.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Thị G kháng cáo không đồng ý trả cho bà Bùi Thị P số tiền 190.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 6/7/2020 vì cho rằng bà chỉ vay của bà P số tiền là 80.000.000 đồng. Số tiền 190.000.000 đồng trong Biên nhận ngày 6/7/2020 là tổng gốc và lãi của khoản tiền vay 80.000.000 đồng mà trước đây bà Gọn đã vay của bà P. Đồng thời số tiền nợ trên của bà P thì bà G đã chuyển qua cho ông T nên bà G không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Xét kháng cáo của bà Trần Thị G nhận thấy:

[2.1] Biên nhận ngày 6/7/2020 có nội dung: “*Tôi Trần Thị G sinh năm 1963 có mượn P 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu chẵn) ngày 6-7-2020*”. Bà G

thừa nhận Biên nhận ngày 6/7/2020 là do bà G viết và ký tên nhưng bà G cho rằng việc viết Biên nhận trên là do vay của bà P 80.000.000 đồng không có khả năng trả vốn và lãi nên bà P yêu cầu bà G viết Biên nhận với số tiền nợ bà P là 190.000.000 đồng. Bà G còn cho rằng số tiền nợ 190.000.000 đồng đã chuyển giao qua cho ông T nên bà G không còn nợ tiền của bà P. Tuy nhiên, bà G không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong khi lời trình bày của bà G không được bà P thừa nhận, bà P trình bày không biết ông T là ai và khoản nợ bà P yêu cầu bà G trả không liên quan đến ông T. Bà P khẳng định bà G nợ bà P số tiền 190.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán.

[2.2] Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định giữa bà Bùi Thị P và bà Trần Thị G có xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản với số tiền là 190.000.000 đồng. Hợp đồng vay giữa các bên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên đây được xem là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Xét thấy việc bà Trần Thị G chậm thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị P nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị P là phù hợp. Bà G kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới có giá trị chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Trần Thị G có nghĩa vụ nộp 9.500.000 đồng là đúng quy định. Tuy nhiên, do bà G là người cao tuổi nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp, miễn toàn bộ án phí cho bà G.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên lẽ ra bà G phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, do bà G là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị G. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (có điều chỉnh về phần án phí sơ thẩm).

Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị P đối với bị đơn bà Trần Thị G. Buộc bà Trần Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị P số tiền 190.000.0000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng), ghi nhận việc bà Bùi Thị P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị G được miễn toàn bộ án phí.
- Hoàn trả cho bà Bùi Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.750.000 (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0005905 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị G được miễn toàn bộ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng TTKT&THA TA tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn